TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Huy Cường

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lữ Cơ Đ, sinh năm 1984

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1988

Cùng địa chỉ: Tổ 34, ấp TV, xã TP, huyện G, tỉnh Tn.

Anh Đức và chị Kiều đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-02-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn anh Lữ Cơ Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị K chung sống với nhau từ tháng 9-2007, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Anh và chị K có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường GB, thị xã Tr, tỉnh Tn năm 2008.

Sau khi kết hôn, anh và chị K sống chung với cha mẹ ruột anh. Được 03 năm thì vợ chồng được mẹ ruột anh cho phần đất tại ấp TV, xã TP, huyện G, tỉnh Tn nên vợ chồng xây nhà ở riêng.

Anh và chị K chung sống không có phát sinh mâu thuẫn. Nhưng vào khoảng năm 2019, chị K lấy hết tiền vàng trong nhà và lừa anh ký tên thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền ngân hàng để tiêu xài riêng, gây ra nợ nần. Đến ngày 01-01-2021, chị K bỏ nhà đi không về nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị K.

Về nuôi con: Anh và chị K có 01 người con chung tên Lữ Thị Ánh T, sinh ngày 02-01-2009. Hiện cháu T đang ở cùng với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị K chung sống có tài sản chung là nhà và đất toạ lạc tại ấp TV, xã TP, huyện G, tỉnh Tn. Nhưng anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn chị K đã vi phạm khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị K;

Về con chung: giao cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lữ Thị Ánh T, sinh ngày 02-01-2009. Anh Đ không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên cần ghi nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lữ Cơ Đ có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn chị Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Qua xác minh, bị đơn chị Nguyễn Thị K có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Tổ 34, ấp TV, xã TP, huyện G, tỉnh Tn nhưng hiện nay vắng mặt nơi cư trú. Theo anh Đ thì chị K đã bỏ địa phương đi đâu không rõ từ ngày 01-01-2021 cho đến nay không về. Chị

K cũng không báo với chính quyền địa phương cũng như không thông báo và không cung cấp địa chỉ mới cho anh Đ biết. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu và Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của chị K là đúng quy định của pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của anh Lữ Cơ Đ và chị Nguyễn Thị K là hôn nhân hợp pháp. Theo anh Đ thì trong thời gian chung sống, chị K đã nhiều lần gạt anh lấy tiền, vàng để tiêu xài cá nhân và bỏ nhà đi không thông báo cho anh Đ biết. Mặc dù anh Đ đã đi tìm nhưng vẫn không biết tung tích của chị K hiện đang ở đâu. Và chị K đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng chị K vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh Đ và cũng không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*:

[3.1] Anh chị có 01 người con chung tên Lữ Thị Ánh T, sinh ngày 02-01-2009. Hiện cháu T đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3.2] Xét yêu cầu của anh Đ thì thấy: Từ khi được chị Kiều bỏ đi, cháu T do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay, chị K đã bỏ đi đâu không rõ địa chỉ và nguyện vọng của cháu T là được sống cùng với anh Đ. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cho anh Đ được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Anh Đ không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Anh Đ khai tài sản chung có nhà và đất tọa lạc tại ấp TV, xã TP, huyện G, tỉnh Tn. Tuy nhiên, anh Đ và chị K không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Anh Đ khai không có, anh Đ và chị K đều không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Anh Đ phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lữ Cơ Đ đối với chị Nguyễn Thị K. Anh Lữ Cơ Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

2. Về nuôi con: Giao cho anh Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lữ Thị Ánh T, sinh ngày 02-01-2009. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024017 ngày 23-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân phường GB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG